TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/KDTM-ST
Ngày 23-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST-KDTM ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2026/QĐST-KDTM ngày 13 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng T; địa chỉ: Số 266 – 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Xuân Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thu Trang; chức vụ: Trưởng phòng KSTT&TT Ngân hàng T - Chi nhánh Hải Phòng (Văn bản uỷ quyền số 07/2025/GUQ-CNHP ngày 31/12/2025); có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Lê Văn H, sinh năm 1981; căn cước công dân số: 031081002540 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1983; căn cước công dân số: 031183002230; nơi cư trú: Tổ dân phố Bắc Vang, phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; ông Lê Văn H vắng mặt, bà Nguyễn Thị X có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 26 tháng 8 năm 2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/7/2023 Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Lê Văn H, vợ là bà Nguyễn Thị X đã thoả thuận ký Hợp đồng tín dụng cho vay hạn mức số 202327161105. Ngày 29/8/2024 Ngân hàng và ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X đã ký thoả thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số PL01-202327161105, theo đó Ngân hàng cho bà ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X vay tổng số tiền là 2.000.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời hạn cho vay của từng khoản cấp tín dụng được xác định cụ thể trong từng Giấy nhận nợ. Mỗi giấy nhận nợ có thể có thời hạn cho vay khác nhau, không phụ thuộc vào thời hạn duy trì hạn mức tín dụng và được Ngân hàng xác định tuỳ thuộc vào chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của bên vay và không vượt quá 08 tháng hoặc thời hạn khác do Ngân hàng xác định trong từng thời kỳ, lãi suất được quy định trong các Giấy nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X. Ngoài ra, ngày 28/9/2022 ông Lê Văn H còn ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng vay số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất và thời hạn thoả thuận trong hợp đồng, Ngân hàng đã cấp thẻ và giải ngân cho ông Lê Văn H số tiền trên.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của các khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X đã thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 03 (BĐQH phân lô), tờ bản đồ số 02 (bản đồ giải thửa), tại thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413413 do Uỷ ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2016 cho chủ sử dụng ông Lê Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Quá trình vay, ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 60.143.877 đồng. Sau đó ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, có văn bản yêu cầu ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng ông H, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nên toàn bộ khoản vay của ông

Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X tại Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Tính đến hết ngày 23/01/2026 ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 2.136.285.080 đồng, trong đó số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023 là 2.081.569.669đồng (gồm nợ gốc là 1.989.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.774.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.486.089 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.309.444) và số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 54.715.411 đồng (gồm nợ gốc là 51.967.603 đồng, nợ lãi là 2.747.808 đồng).

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ như trên và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 24/01/2026 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng thì ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

- Tại Bản tự khai ngày 28/11/2025 và tại phiên toà bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà Nguyễn Thị X thừa nhận bà X và chồng là ông Lê Văn H có ký hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng T để vay số tiền là 2.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng ngày 07/7/2023, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh và số tiền 50.000.000 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (việc vay thẻ tín dụng đứng tên ông H nhưng vay để vợ chồng cùng sử dụng). Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng do gặp khó khăn nên vợ chồng bà X đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng T như đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà Nguyễn Thị X thừa nhận còn nợ tổng số tiền tính đến ngày 23/01/2026 như Ngân hàng trình bày tại phiên toà là đúng và đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng bà X được trả dần số tiền nợ gốc trong thời hạn 12 tháng và xin miễn toàn bộ các khoản nợ lãi. Trường hợp không trả được nợ cho Ngân hàng thì bà Nguyễn Thị X đồng ý phát mại tài sản đã bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 03 (BĐQH phân lô), tờ bản đồ số 02 (bản đồ giải thửa), tại thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413413 do Uỷ ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2016 cho chủ sử dụng ông Lê Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị X theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh Lê Văn H có nơi cư trú tại Tổ dân phố Bắc Vang, phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn H không hợp tác. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh Lê Văn H nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Lê Văn H vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn chị Nguyễn Thị X đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 275, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 500, 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100, 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T, buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 23/01/2026 là 2.136.285.080 đồng, trong đó số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023 là 2.081.569.669 đồng (gồm nợ gốc là 1.989.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.774.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.486.089 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.309.444) và số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 54.715.411 đồng (gồm nợ gốc là 51.967.603 đồng, nợ lãi là 2.747.808 đồng). Kể từ ngày 24/01/2026 khách hàng vay còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay. Trường hợp ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X không trả được nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023 đã ký giữa ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X - bên thế chấp và Ngân hàng T - bên nhận thế chấp. Tài sản thế chấp bao gồm Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 03 (BĐQH phân lô), tờ bản đồ số 02 (bản đồ giải thửa), tại thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413413 do Uỷ ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2016 cho chủ sử dụng ông Lê Văn

H và vợ là bà Nguyễn Thị X. Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông Lê Văn H, vợ là bà Nguyễn Thị X là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng do mục đích của một trong các bên có lợi nhuận phát triển kinh tế; bị đơn có nơi cư trú tại phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn H.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn và đánh giá chứng cứ:

[3.1] Đối với yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 23/01/2026 tổng số tiền là 2.136.285.080 đồng, trong đó số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023 là 2.081.569.669 đồng (gồm nợ gốc là 1.989.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.774.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.486.089 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.309.444) và số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 54.715.411 đồng (gồm nợ gốc là 51.967.603 đồng, nợ lãi là 2.747.808 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/01/2026 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Căn cứ Hợp đồng tín dụng, lời khai của đương sự và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X có ký Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023, các Giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/9/2022 với Ngân hàng. Xét các Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023, các Giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/9/2022 được ký giữa Ngân hàng và ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung, mục đích và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 117, 118, 119, 463 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023, các Giấy nhận nợ, Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/9/2022 có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên Ngân hàng đã giải

ngân cho ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X đủ số tiền vay nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X không trả được số tiền nợ lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Như vậy, việc khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ tính đến ngày 23/01/2026 tổng số tiền là 2.136.285.080 đồng, trong đó số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023 là 2.081.569.669 đồng (gồm nợ gốc là 1.989.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.774.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.486.089 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.309.444) và số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 54.715.411 đồng (gồm nợ gốc là 51.967.603 đồng, nợ lãi là 2.747.808 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/01/2026 cho tới khi thực hiện trả hết toàn bộ nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.2] Đối với yêu cầu phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 03 (BĐQH phân lô), tờ bản đồ số 02 (bản đồ giải thửa), tại thôn Bấc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413413 do Uỷ ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2016 cho chủ sử dụng ông Lê Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị X theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023. Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023 được ký giữa chủ tài sản là ông Lê Văn H, vợ là bà Nguyễn Thị X và Ngân hàng T là tự nguyện, được công chứng và tài sản thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định, có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định tại các Điều 298, 317 của Bộ luật Dân sự và không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023 có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp. Do đó, trường hợp ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại các Điều 303, 323, 500 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, 274, 275, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 323, 357, 463, 466, 468, 500, 502 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 100, Điều 103 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T, buộc ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ tính đến ngày 23/01/2026 tổng số tiền là 2.136.285.080 đồng, trong đó số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số 202327161105 ngày 07/7/2023 là 2.081.569.669 đồng (gồm nợ gốc là 1.989.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.774.136 đồng, nợ lãi quá hạn là 46.486.089 đồng, nợ lãi chậm trả là 1.309.444) và số tiền nợ của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là 54.715.411 đồng (gồm nợ gốc là 51.967.603 đồng, nợ lãi là 2.747.808 đồng).

Kể từ ngày 24/01/2026 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X không trả được nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ bảo đảm đã cam kết theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 202327161105/HĐTC ngày 07/07/2023 đã ký giữa ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị X - bên thế chấp và Ngân hàng T - bên nhận thế chấp.

Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số lô 03 (BĐQH phân lô), tờ bản đồ số 02 (bản đồ giải thửa), tại thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE 413413 do Uỷ ban nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/10/2016 cho chủ sử dụng ông Lê Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị X.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X; nếu thiếu

thì ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng.

2. Về án phí: Ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị X phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 74.726.000 đồng (đã làm tròn số). Trả lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 36.600.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003532 ngày 10 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng T, bà Nguyễn Thị X có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Lê Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./85

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hà